

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nông Quốc Hùng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải

2. Bà Nông Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/ QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1984; Dân tộc: Tày.

Cư trú tại: Tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt)

Bị đơn: Chị Hoàng Quỳnh N - sinh năm 1989; Dân tộc: Nùng.

Cư trú tại: Tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/4/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Quỳnh N kết hôn vào ngày 22/11/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Cao Bằng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được bốn năm, thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung

sống không tìm được sự đồng cảm nên phát sinh mâu thuẫn. trong quá trình mâu thuẫn vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, kể từ khi mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân được 3 năm nay. Trong thời gian mâu thuẫn, anh em, cha mẹ đã góp ý, hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị N có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Thủy T (giới tính: Nữ) - sinh ngày 09/06/2011. Sau khi ly hôn, hai bên đương sự thống nhất con chung sẽ giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì thực tế hiện nay con đang ở với ông bà nội và việc cung cấp cho việc ăn ở, học tập đều do anh H cung cấp; Mặt khác chị N đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, không biết đi đâu và làm gì vì vậy anh H không nhất trí cho chị N trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 15/6/2018 chị Hoàng Quỳnh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh H kết hôn vào năm 2010, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, khi cưới chị N làm kế toán tại Doanh nghiệp tư nhân T.

Sau khi kết hôn giữa chị N và anh H sống rất hạnh phúc vì là tự tìm hiểu lấy nhau, sau một năm chung sống anh H chơi bời, rượu, che, cờ bạc sau đó vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn, rất nhiều lần anh H đi uống rượu về hành hung chị N, bố mẹ anh H luôn là người can thiệp sau khi vợ chồng chị N và anh H ra ở riêng, thậm chí đêm hôm hai giờ sáng anh H đi uống rượu về có hành vi hành hung chị N và chị N luôn phải làm phiền gọi cho bố mẹ để anh H lên can thiệp, cũng có một số lần gọi chú ruột anh H và hàng xóm can thiệp giúp khi anh H đánh chị N. Đến ngày 28/7/2016, anh H lại tiếp tục hành hung chị N, chị N đã gọi bố mẹ chồng đến và xin phép bố mẹ chồng ra khỏi nhà, sau khi ra khỏi nhà bố mẹ chồng có gọi chị N quay về nhà sống vì con cái nhưng anh H vẫn tính nào, tạt đây luôn hành hung chị N nên chị N không thể nào chịu nổi. sau khi chị N ra khỏi nhà thì anh H đã đón người con gái khác về chung sống và tới thời điểm hiện nay người phụ nữ đó đã có mang thai với anh H. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

- Về con chung: quá trình chung sống chị N và anh H có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Thủy T (giới tính: Nữ) - sinh ngày 09/06/2011. Sau khi ly hôn, hai bên đương sự thống nhất con chung sẽ giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị N xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung chị N trình bày: chị N và anh H có vay nợ cô ruột chị N là bà Hoàng Thị C (địa chỉ: phố H, thị trấn H, huyện P, tỉnh Cao Bằng) số tiền 168.000.000đ (một trăm sáu mươi tám triệu đồng) để trả nợ cho anh H. Cụ thể năm 2011 vay 3 lần: lần 1 vay 20.000.000đ, lần 2 vay 25.000.000đ, lần 3 vay 15.000.000đ; Năm 2012 vay 2 lần: Lần 1 vay 50.000.000đ, lần 2 vay 20.000.000đ; Năm 2014 vay 38.000.000đ. Việc vay mượn có có viết giấy vay, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết và sẽ nộp đơn yêu cầu và cung cấp tài liệu cho Tòa án.

Tại biên bản hòa giải ngày 15 tháng 6 năm 2018 Tòa án đã yêu cầu chị N nộp đơn yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng minh về khoản nợ nêu trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hòa giải. Tuy nhiên đến ngày xét xử (21/01/2019) chị N không có chứng cứ và không làm đơn yêu cầu giải quyết về phần nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 08/10/2018, tại tổ M, phường Đ, thành phố C, qua xác minh được biết: Về quá trình chung sống, trong thời kỳ hôn nhân ông H và bà N sinh sống tại Tổ M, phường Đ, thành phố C; Về tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống vợ chồng vợ chồng có cãi nhau về nguyên nhân kinh tế, bản thân anh H hiện nay đã có vợ mới, không tổ chức lễ cưới, hiện nay anh H và vợ mới đã có một người con riêng. Chị như đã bỏ nhà đi được mấy năm nay, không thường xuyên sinh sống tại địa phương; Về mâu thuẫn vợ chồng tổ dân phố chưa được hòa giải lần nào.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2019, cháu Nguyễn Hoàng Thủy T cho biết: Cháu tên là Nguyễn Hoàng Thủy T sinh ngày 09/6/2011 hiện nay cháu đang học lớp 2C trường tiểu học Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Bố cháu tên là Nguyễn Văn H, mẹ tên là Hoàng Quỳnh N. Bố mẹ cháu có cháu duy nhất là con chung. Hiện nay cháu đang sống chung cùng ông bà nội tại tổ T, phường Đ, thành phố C, hàng ngày ông bà nội là người thường xuyên đưa cháu đi học, chăm lo việc ăn, ở, học hành sinh hoạt hàng ngày của cháu. Do bố cháu thường xuyên phải đi làm nên không có điều kiện để đưa đón cháu đi học. Tuy nhiên, lúc ông bà nội bận thì bố là người đưa đón cháu đi học, chăm lo cho cháu. thỉnh thoảng bố có qua đón và đưa cháu đi chơi. Nhà ông bà nội và nhà bố cháu chỉ cách nhau một đoạn ngắn nên cháu đi lại hai nhà rất dễ. Hiện nay mẹ cháu đang đi làm ở xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm cháu, đưa đón cháu đi học, có mua quà và quần áo cho cháu. Cháu không nhất trí để bố mẹ ly hôn. Nguyện vọng của cháu là được chung sống cùng cả cha và mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy anh H và chị N về tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã xảy ra xô xát, tại biên bản hòa giải ngày 15/6/2018 anh H yêu cầu ly hôn chị N nhất trí ly hôn vì mâu thuẫn không thể khắc phục. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị N không thể hàn gắn được. Do đó, cần thiết phải cho anh H được ly

hôn với chị N. Về con chung: Cần giao con cho anh H nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục, không đặt ra mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con: các bên không yêu cầu tòa án xem xét nên không đặt ra để xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không đặt ra vấn đề xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định và ban hành bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về mặt tố tụng: anh Nguyễn Văn H viết đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với chị Hoàng Quỳnh N, bị đơn là chị Hoàng Quỳnh N có nơi cư trú tại: Tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Do đó, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng. Tòa án tiến hành tổng đạt giấy triệu tập cho chị N đến Tòa án để giải quyết việc xin ly hôn giữa anh H và chị N, tuy nhiên chị N không có mặt tại Tòa án; Việc tổng đạt trực tiếp cho chị N theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự không thể tiến hành được vì chị N không có mặt tại nơi cư trú, chính quyền địa phương không biết chị N đi đâu và làm gì. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Quỳnh N kết hôn vào năm 2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C (Nay là thành phố C), tỉnh Cao Bằng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: anh H và chị N cùng xác nhận vợ chồng đã có mâu thuẫn, mâu thuẫn đã kéo dài không thể khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình hòa giải tại Tòa các bên đều nhất trí ly hôn.

Qua việc giải quyết vụ án thấy rằng anh H và chị N đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bốn phận của người đó, trong khi đó quyền và nghĩa vụ vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh H và chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn, đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án"*

không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Do đó, cho anh H và chị N ly hôn theo như yêu cầu của anh H cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về con chung: Anh H và chị N có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Thủy T (giới tính: Nữ) - sinh ngày 09/6/2011. Tại biên bản hòa giải các bên thống nhất con chung sẽ giao cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: hiện nay con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thủy T đang ở với ông bà nội tại tổ T, phường Đ, thành phố C, hàng ngày ông bà nội của cháu là người đưa đón cháu đến lớp học tập và là người trực tiếp chăm sóc cháu. Anh H tuy ở khác nhà nhưng gần nhà ông bà nội và vẫn thường xuyên chăm sóc cho cháu T, hàng ngày cháu T vẫn đi qua lại giữa nhà bố và ông bà. Anh H vẫn là người cung cấp tiền nong để lo cho mọi sinh hoạt của cháu T. Về phần chị N hiện nay đang làm gì ở đâu Tòa án không biết được, vì qua việc tổng đạt giấy triệu tập của Tòa án và qua việc xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị N được biết hiện nay chị N đã bỏ đi khỏi địa phương, không thường xuyên có mặt tại địa phương, việc chị N đi đâu chính quyền địa phương không nắm được. Qua việc lấy ý kiến của cháu T thì nguyện vọng của cháu là chọn được sống chung với cả bố mẹ, không muốn bố mẹ ly hôn.

Như vậy, xét về khả năng thực tế anh H có đủ điều kiện để chăm sóc con chung được tốt hơn chị N, vì anh H có nơi ăn ở ổn định, có bố mẹ đẻ ở gần hỗ trợ trong việc chăm sóc con chung của anh H; Do đó giao con cho anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, cần thiết, không làm xáo trộn cuộc sống của con chung và vẫn đảm bảo điều kiện vật chất, nhu cầu phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh H và chị N trong quá trình giải quyết vụ án đều xác nhận không có tài sản, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phần nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; Chị N trong quá trình giải quyết vụ án có nêu ra phần nợ chung nhưng không tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật để được xem xét giải quyết. Nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Hoàng Quỳnh N.

[2] Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Hoàng Thủy T (giới tính: Nữ) - sinh ngày 09/6/2011, cho anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề đóng góp nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

[3] Về chia tài sản chung: không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng.

[4] Về án phí: anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn. Anh H đã nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000358 ngày 10/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng nay được trừ vào số tiền án phí anh H phải nộp. Xác nhận anh H đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hoàng Quỳnh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường Đề Thám;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nông Quốc Hùng